

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ – ST
Ngày 25 - 3- 2021
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Ba
Bà Nguyễn Thị Huân.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn Y, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Khu 1 thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2020 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn ngày 19/10/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, quá trình chung sống năm đầu hòa thuận, đến năm 2007 bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D chơi bời cờ bạc, nghiện ma túy và anh D phải đi chấp hành án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy sau khi chấp hành xong về nhà, chị và gia đình có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không nghe dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh D.

Về nuôi con chung: Do trước khi kết hôn chị và anh D sống cùng nhau như vợ chồng nên đến ngày 04/5/2007, chị sinh cháu Nguyễn Đức M, chị khẳng định cháu Mạnh là con chung của chị và anh D và cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 11/4/2014. Hiện nay hai cháu Mạnh và Quân đang ở cùng chị, ly hôn chị xin được nuôi hai cháu và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn D: Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị T về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời gian sống ly thân là đúng. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và hiện nay đã sống ly thân, kể từ khi sống ly thân không ai quan tâm đến ai nay chị T xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận lời trình bày của chị T là vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 04/5/2007 và cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 11/4/2014. Ly hôn anh xin nuôi hai cháu và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị T chấp hành đúng các qui định của pháp luật, anh D đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D; Do anh D hiện nay không có nghề nghiệp và bản thân đang bị nghiện ma túy nên giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 04/5/2007 và cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 11/4/2014. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T vì chị T không yêu cầu, về án phí chị T chịu theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn anh Nguyễn Văn D và đề nghị phân chia nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Văn D đang cư trú tại khu 1 thôn Đông, thị trấn Yên Lạc, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Y. Bị đơn anh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D đều thừa nhận vợ chồng anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc và qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y thể hiện chị T và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y ngày 19 tháng 10 năm 2006, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, mặt khác do không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày nên phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn lớn nhất từ năm 2018. Trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị T đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh D không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Anh D thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai quá trình giải quyết vụ án anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh nhất trí ly hôn chị T. Xét, cuộc sống chung giữa chị T và anh D không thể tiếp tục vì anh, chị xảy ra mâu thuẫn đã lâu, hiện tại đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, điều đó thể hiện anh chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D được ly hôn.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh D có hai con chung là cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 04/5/2007 và Nguyễn Đức Q, sinh ngày 11/4/2014. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, hai cháu vẫn sống cùng chị T. Ly hôn, chị T, anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị T và anh D là hoàn toàn tự nguyện, hiện tại chị T làm nghề tự do thu nhập khoảng đến 7 triệu đồng/ 1 tháng. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa chị T chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt; anh D hiện tại không có nghề nghiệp, thu nhập bản thân đang bị nghiện ma túy. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu nên cần giao cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T vì chị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, anh D vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2007 và Nguyễn Đức Q, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T nhưng có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000107 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y; chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND thị trấn Yên Lạc;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

